

Hà Nội
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Vb
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20 /2011/QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 5 năm 2011

SỞ TƯ PHÁP T. BÀ RỊA - VŨNG TÀU
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 1184
Ngày: 16/5/2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư 02/2011/TT-BNV ngày 24/1/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số: 06 /TTr-SKHHCN ngày 13 /4 /2011,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban thi đua khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *nhân*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ KH-CN (vụ pháp chế);
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT và Ủy viên UBND tỉnh;
- Ủy Ban MTTQVN Tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp (để theo dõi);
- Đài PTTH tỉnh; Báo BR-VT;
- TT. Công báo tỉnh;
- Lưu VT, TH.



Võ Thành Kỳ

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
(Ban hành theo Quyết định số 2.0./2011/QĐ-UBND ngày 10./...5./2011.
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý các hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài có hoạt động sáng kiến tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tác giả sáng kiến: Là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến.
2. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Là cơ quan, tổ chức, cá nhân giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến.
3. “Áp dụng sáng kiến lần đầu” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.

Điều 4. Sáng kiến

1. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp; hoặc giải pháp ứng dụng tiên bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp).
2. Giải pháp kỹ thuật bao gồm:
 - a) Sản phẩm dưới dạng vật thể (ví dụ dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện);
 - b) Sản phẩm dưới dạng chất (ví dụ vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược

phẩm, mỹ phẩm)

c) Sản phẩm dưới dạng vật liệu sinh học (ví dụ chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen);

d) Giống cây trồng, giống vật nuôi;

e) Quy trình (ví dụ quy trình công nghệ; phương pháp khảo sát, thiết kế, thi công; kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; phương pháp chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật);

3. Giải pháp quản lý bao gồm phương pháp tổ chức (ví dụ sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí nhân lực, phương tiện làm việc, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu), điều hành, kiểm tra, giám sát công việc trong kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), hành chính, sự nghiệp.

4. Giải pháp tác nghiệp là phương pháp thực hiện thao tác nghiệp vụ trong hoạt động kinh doanh (sản xuất, thương mại, dịch vụ), trong công tác quản lý hành chính, sự nghiệp, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu).

b) Phương pháp thâm định, giám định;

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo (giảng dạy, huấn luyện);

5. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, bí quyết hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

6. Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội không được công nhận là sáng kiến.

Điều 5. Các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được công nhận đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực;

c) Không thuộc đối tượng bị loại trừ quy định tại khoản 6 Điều 4.

2. Một giải pháp được coi là có tính mới trong phạm vi cơ sở hoặc tỉnh nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), trong phạm vi cơ sở hoặc tỉnh đó, giải pháp đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không trùng với nội dung của giải pháp trong đơn đăng ký sáng kiến nộp trước;

b) Chưa bị bộc công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được

c) Không trùng với giải pháp của người khác đã được áp dụng hoặc áp dụng

thử, hoặc đưa vào kế hoạch áp dụng, phổ biến hoặc chuẩn bị các điều kiện để áp dụng, phổ biến;

d) Chưa được quy định thành tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện.

3. Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khoẻ con người).

4. Sáng kiến cấp cơ sở là sáng kiến đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 của Quy định này trong phạm vi huyện, thị xã, thành phố, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Sáng kiến cấp tỉnh là sáng kiến đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 của Quy định này trong phạm vi toàn tỉnh.

Chương II

HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 6. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh

1. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

- Người đứng đầu cấp cơ sở ra quyết định thành lập hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

- Thành phần Hội đồng, số lượng:

+ Thành phần Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở bao gồm: lãnh đạo UBND huyện, thị xã, thành phố, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; đại diện các phòng ban và đơn vị trực thuộc; tổ chức công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên và một số chuyên gia, người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến. Số lượng thành viên Hội đồng do chủ tịch Hội đồng quyết định.

+ Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở là đại diện phòng kinh tế, phòng kinh tế và hạ tầng huyện, thị xã, thành phố, bộ phận theo dõi thi đua khen thưởng hoặc bộ phận chuyên môn nghiệp vụ của sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng. Các Phó chủ tịch Hội đồng gồm: Lãnh đạo Sở Nội vụ, lãnh đạo Sở Khoa học và

Công nghệ. Trong đó lãnh đạo sở Khoa học và Công nghệ là Phó chủ tịch thường trực Hội đồng.

b) Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Thành phần Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do chủ tịch Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định.

d) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh chỉ xem xét, công nhận những sáng kiến đã được Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở đề nghị.

Điều 7. Nhiệm vụ Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng.

2. Những giải pháp đạt giải thưởng từ giải khuyến khích đến giải nhất trong các Hội thi sáng tạo kỹ thuật các cấp, ngành hoặc Hội thi sáng tạo kỹ thuật thanh thiếu niên nhi đồng được Hội đồng sáng kiến xem xét, công nhận sáng kiến ở cấp tương đương.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tiếp nhận hồ sơ, xem xét, kiểm tra hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến. Hoặc làm các thủ tục cho rút đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi người đã nộp đơn có yêu cầu.

4. Chủ tịch Hội đồng sáng kiến ra quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành (bao gồm các chuyên gia, người có trình độ chuyên môn...) để tư vấn về mặt chuyên môn cho Hội đồng sáng kiến trên các lĩnh vực.

5. Tổ chức xét duyệt và ra quyết định công nhận sáng kiến.

6. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

Điều 8. Chế độ làm việc

1. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh họp định kỳ vào tháng 6 và tháng 11 hàng năm, hoặc họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng quyết định triệu tập để xem xét hồ sơ công nhận sáng kiến.

2. Các Thành viên Hội đồng không được vắng mặt trong các kỳ họp, trừ trường hợp đặc biệt mà vắng mặt thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá đến cơ quan thường trực của Hội đồng trước khi họp. Các kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt mới được coi là họp lệ.

3. Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, áp dụng nguyên tắc bỏ phiếu biểu quyết theo đa số. Sáng kiến được công nhận phải đạt từ 51% số phiếu họp lệ trở lên.

Điều 9. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở được đảm bảo từ nguồn kinh phí của UBND huyện, thị xã, thành phố, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong dự toán khoản chi hàng năm của đơn vị.

2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh. Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập dự toán kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh trong dự toán của ngành mình trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 10. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 11. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đối với giải pháp đã được áp dụng, thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định là 01 năm kể từ ngày sáng kiến được đưa vào áp dụng lần đầu.

2. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến được đánh máy, trình bày rõ ràng, không tẩy xóa trên khổ giấy A4, theo mẫu, được coi là hợp lệ theo quy định gồm:

- a) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;
- b) Các tài liệu, giấy tờ, hình ảnh liên quan (nếu thấy cần thiết).
- c) Đối với sáng kiến cấp tỉnh phải có văn bản đề nghị của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến làm theo mẫu, bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Địa phương, ngành, cơ quan được yêu cầu công nhận sáng kiến;
- b) Tác giả sáng kiến; hoặc các đồng tác giả sáng kiến và tỷ lệ đóng góp của từng đồng tác giả;
- c) Sáng kiến được yêu cầu công nhận: Tên sáng kiến; Lĩnh vực áp dụng; Mô tả bản chất của giải pháp.
- d) Khả năng áp dụng của giải pháp;
- e) Hiệu quả, lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải

pháp theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã áp dụng sáng kiến (nếu có); và theo ý kiến của tác giả sáng kiến.

g) Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có);

4. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến lập thành 02 bộ gửi về cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh.

Điều 12. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

Cấp cơ sở: Do chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở quyết định

1. Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh 2 đợt, đợt 1 từ ngày 1 – 25/6; đợt 2 từ ngày 15/09 đến ngày 25/10 hàng năm.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, thường trực Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ theo điều 11 quy định này.

Điều 13. Trình tự xét công nhận sáng kiến

Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện trong thời hạn không quá 02 tháng kể từ ngày chấp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

1. Thường trực Hội đồng sáng kiến kiểm tra, phân loại, tổng hợp hồ sơ đăng ký sáng kiến của cá nhân và tập thể.

2. Chủ tịch Hội đồng sáng kiến ra quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành.

3. Thường trực Hội đồng sáng kiến sao gửi hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến gửi các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi họp Hội đồng.

4. Sau khi Hội đồng chuyên ngành họp bỏ phiếu đánh giá, với những trường hợp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến thì Hội đồng chuyên ngành trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên họp phải trình Chủ tịch Hội đồng sáng kiến ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

Điều 14. Công nhận sáng kiến

1. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở :

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở ra quyết định công nhận sáng kiến và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

b) Sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hàng năm.

c) Sáng kiến cấp cơ sở là cơ sở để xét, công nhận Chiến sĩ thi đua cơ sở hàng năm.

2. Công nhận sáng kiến cấp tỉnh :

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

b) Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì giấy chứng nhận sáng kiến được cấp có ghi tên từng người.

c) Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận hàng năm.

d) Sáng kiến cấp tỉnh là cơ sở để xét, công nhận Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh hàng năm và đề nghị Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN, TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU

Điều 15. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến; Điều kiện áp dụng, chuyển giao sáng kiến

1. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến;

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, về hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự.

2. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ.

Điều 16. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Trước khi kết thúc 4 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, nếu chủ sở hữu sáng kiến áp dụng sáng kiến hoặc chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng thì có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo thỏa thuận giữa các bên, hoặc theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, và 5 Điều này trong trường hợp các bên không có thỏa thuận.

2. Trường hợp chủ sở hữu sáng kiến là tổ chức kinh doanh hoặc là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ sở hữu sáng kiến không có thỏa thuận thì việc trả thù lao được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thù lao trả hàng năm trong 3 năm đầu tiên áp dụng sáng kiến, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày kết thúc mỗi năm áp dụng, với mức tối thiểu bằng 7% tiền làm lợi thu được do áp dụng sáng kiến của mỗi năm áp dụng, hoặc trường hợp không tính được tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến, với mức tối thiểu bằng 5 lần mức lương cơ bản theo quy định của Nhà nước tại thời điểm trả thù lao;

b) Thù lao trả trong 3 năm kể từ ngày sáng kiến được công nhận, cho mỗi lần chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng, trả trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận thanh toán của mỗi lần chuyển giao, với mức tối thiểu bằng 15% giá chuyển giao.

3. Trường hợp chủ sở hữu sáng kiến không phải là tổ chức kinh doanh và không phải là đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập, nếu giữa tác giả sáng kiến và chủ sở hữu sáng kiến không có thoả thuận thì việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến được thực hiện tuỳ theo lãnh đạo đơn vị để có mức khen thưởng phù hợp.

4. Nghĩa vụ trả thù lao cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện cùng lúc với mỗi lần trả thù lao cho tác giả sáng kiến, với mức tối thiểu bằng 20% mức thù lao cho tác giả sáng kiến nếu giữa những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và chủ sở hữu sáng kiến không có thoả thuận khác.

5. Thù lao quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này được trả chung cho tất cả các đồng tác giả, thù lao quy định tại khoản 4 Điều này được trả chung cho tất cả những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu và những người này tự thoả thuận việc phân chia.

Điều 17. Xác định tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Tiền làm lợi do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm được từ tất cả các nguồn lực (ví dụ nhân lực, thời gian, chi phí, công đoạn, quy trình làm việc, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng, khấu hao tài sản cố định) trực tiếp đạt được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.

2. Lợi ích trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

3. Những lợi ích gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến, bao gồm khoản tiết kiệm được từ những khoản không phải là chi phí trực tiếp cho quá trình áp dụng sáng kiến hoặc lợi ích thu được từ việc tiếp tục sử dụng các nguồn lực (ví dụ nhân lực, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu) đã tiết kiệm được do áp dụng sáng kiến, đều không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

- a) Yêu cầu công nhận sáng kiến theo Quy định này;
- b) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 16 Quy định này;
- c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;
- d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến theo quy định tại khoản 2, Điều 15

Quy định này trong trường hợp sáng kiến được tạo ra không thuộc công việc được giao, được thuê và không sử dụng kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

2. Người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Quy định này.

3. Tác giả sáng kiến có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ các thông tin về sáng kiến đến mức có thể áp dụng được cho cơ sở công nhận sáng kiến;

b) Tham gia triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu;

c) Giữ bí mật thông tin về sáng kiến theo thoả thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

4. Người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp các thông tin chi tiết về việc áp dụng sáng kiến cho tổ chức xét công nhận sáng kiến;

b) Giữ bí mật thông tin theo thoả thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ sở hữu trí tuệ

Trong trường hợp sáng kiến đã được công nhận nhưng sau đó lại được bảo hộ sở hữu trí tuệ thì áp dụng các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ từ thời điểm quyền sở hữu trí tuệ được xác lập hoặc phát sinh.

Chương V

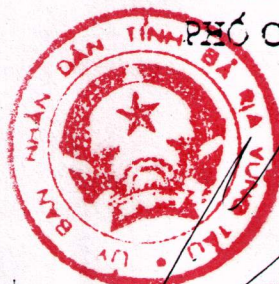
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, đề nghị các cơ quan, tổ chức kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) giải quyết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *nhân*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



W
Võ Thành Kỳ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Kính gửi:

Tác giả sáng kiến (đại diện nhóm tác giả):

Đơn vị:

Các đồng tác giả:

Số TT	Họ tên tác giả	Ngày sinh	Nơi công tác (hoặc nơi ở)	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến	Ký tên

I. Đề nghị xét công nhận sáng kiến:

Lĩnh vực áp dụng:

II. Mô tả giải pháp:

1. **Tình trạng giải pháp đã biết:** Mô tả ngắn gọn giải pháp đã biết; ưu khuyết điểm của giải pháp đã, đang được áp dụng tại cơ quan, đơn vị;

2. **Nội dung giải pháp đề nghị công nhận là sáng kiến:** Mục đích của giải pháp; những điểm khác biệt, tính mới của giải pháp so với giải pháp đã, đang được áp dụng; mô tả chi tiết bản chất của giải pháp.

3. **Khả năng áp dụng của giải pháp:** Trình bày về khả năng áp dụng vào thực tế của giải pháp tạo ra, có thể áp dụng cho những đối tượng nào, cơ quan, tổ chức nào.

4. **Hiệu quả, lợi ích thu được hoặc dự kiến có thể thu được do áp dụng giải pháp** theo ý kiến của tổ chức, cá nhân đã áp dụng sáng kiến (nếu có); và theo ý kiến của tác giả sáng kiến;

5. **Những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có).**

Tôi/chúng tôi cam đoan những điều khai trong đơn là đúng sự thật.

Làm tại.....ngày.....tháng.....năm.....

Người nộp đơn

(Họ tên và chữ ký)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN SÁNG KIẾN

Căn cứ Quy định tạm thời về quản lý hoạt động sáng kiến của

Căn cứ Quyết định công nhận sáng kiến số

.....
(Thủ trưởng cơ quan, tổ chức công nhận sáng kiến)

CHỨNG NHẬN

.....
(Họ tên tác giả)

Nơi công tác hoặc nơi ở

Là tác giả của sáng kiến

(Tên sáng kiến)

với các đồng tác giả là

.....
(Họ tên, nơi công tác hoặc nơi ở)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC